

Bản án số: 151/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Định

2. Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1978 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trình bày của bà Trần Thị C tại đơn khởi kiện ngày 09/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án:**

Hôn nhân: Bà C và ông L tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 20/7/2004. Vợ chồng chung

sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, hôn nhân không thể kéo dài nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông L.

Con chung: Bà C và ông L có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Chúc L, sinh ngày 01/01/2000 (giới tính nữ) và Nguyễn Văn L, sinh ngày 15/11/2003. Cháu L đã trưởng thành, cháu L hiện do bà C đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà C yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung, không đặt ra yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự; về nội dung vụ án thì xét thấy mâu thuẫn giữa bà C và ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên các yêu cầu của bà C là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Văn L. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông L có nơi cư trú tại ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng ông L vắng mặt không có lý do, bà C xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà C, ông L theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 20/7/2004. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, hôn nhân không thể kéo dài nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông L. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông L đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật

công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà C xác định vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa bà C và ông L không đạt được, vợ chồng hiện đã ly thân. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để bà C và ông L có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả, ông L vắng mặt tại các phiên hòa giải không có lý do, cho thấy bà C và ông L không có thiện chí đoàn tụ với nhau, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau nên cần chấp nhận yêu cầu của bà C. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà C và ông L được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà C và ông L có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Chúc L, sinh ngày 01/01/2000 (giới tính nữ) và Nguyễn Văn L, sinh ngày 15/11/2003 (giới tính nam). Cháu L đã trưởng thành, cháu L hiện do bà C đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà C và ông L tự thỏa thuận về việc nuôi dạy con chung không đặt ra yêu cầu xem xét nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà C xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không đặt ra yêu cầu xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, ông L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L không có ý kiến gì về tài sản chung nên không xem xét là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Bà C xác định bà và ông L không có nợ chung, tại biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 07 tháng 7 năm 2020 xác định bà C và ông L không có nợ chung, đương sự không yêu cầu xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn L.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị C về việc ly hôn đối với ông Nguyễn Văn L.

2.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn L được ly hôn.

2.2. Về con chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu xem xét.

2.3. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu xem xét.

nợ chung: Không có

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 15 tháng 6 năm 2020, bà C có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011279 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh